

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2023
V/v không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Chính**.

2. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 03/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Ông Tr và bà Th bắt đầu chung sống từ tháng 5/1987, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống H phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông Tr và bà Th đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, đến năm 2021 thì đã sống ly thân đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông Tr yêu cầu được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 13/4/1991,

Nguyễn Hiếu H, sinh năm 1992 và Nguyễn Trung D2, sinh ngày 22/11/2002, hiện các con đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị Th trình bày:

Thông nhất bà Th và ông Tr bắt đầu chung sống từ tháng 5/1987, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống H phúc đến tháng 7/2023 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến tháng 8/2023 thì đã sống ly thân đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà Th đồng ý ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Có 03 con chung đúng như ông Th đã trình bày, hiện các con đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật Tr chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Tr yêu cầu ly hôn với bà Th nên đây là Tr chấp “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Th là bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tố tụng ông Tr, bà Th đều khai thống nhất là chung sống từ tháng 5/1987 nhưng không đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gò Công Tây cũng xác nhận là ông Tr và bà Th không có đăng ký kết hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Tr về việc ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Tr và bà Th theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 11 và Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.2] Về con chung: Ông Tr và bà Th có 03 con chung tên Nguyễn Trung D1, Nguyễn Hiếu H và Nguyễn Trung D2, đều đã trưởng thành, lao động được ông Tr, bà Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Tr, bà Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông Tr phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr về việc ly hôn với bà Phạm Thị Th.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Tr và bà Phạm Thị Th.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011685 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên ông Tr đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn Tr, bà Phạm Thị Th được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú

